

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Tiên;

2. Bà Trần Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Xuân T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2019, vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2019, bà T bỏ đi khỏi nhà, ông không biết bà T bỏ đi đâu, đến các dịp lễ tết bà T có về thăm các anh chị em của bà T ở thôn G, xã H, huyện N. Từ năm 2019 đến nay, ông và bà T đã sống ly thân, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Ông xác định

tình cảm vợ chồng giữa ông và bà **T** không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Thị Xuân P**, sinh năm 2004. Cháu **P** hiện nay đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Tấn H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn với bị đơn bà **Nguyễn Thị Xuân T**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại **xã H, huyện N** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà **Nguyễn Thị Xuân T** nhưng bà **T** vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 ngày 20/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2019, vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2019 đến nay bà T và ông đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Lời trình bày của ông H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi vợ chồng ông H cư trú.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc, hoà giải, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông H, điều này chứng tỏ bà T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông H và bà T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 2004. Cháu P hiện nay đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn

H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân

T.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002355 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Hộ Hải,
(GCNKH số: 98, ngày 20/12/2002);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành